

Số: 176 / KH-UBND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 10 năm 2017

KẾ HOẠCH

Thực hiện mô hình "Tăng cường năng lực y tế công trong lĩnh vực kế hoạch hóa gia đình" tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2017-2020

Nhằm hoàn thiện hệ thống dịch vụ, chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện công tác KHHGD, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai của người dân; chú trọng đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao trình độ cán bộ y tế, tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; đồng thời khuyến khích các tổ chức xã hội và tư nhân tham gia cung cấp các dịch vụ này; đẩy mạnh tiếp thị xã hội và bán rộng rãi các phương tiện tránh thai là một giải pháp mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường năng lực y tế công (Public Sector Strengthening) gọi tắt là PSS là một mô hình chú trọng nâng cao năng lực cho hệ thống cung ứng dịch vụ công sẵn có tại tuyến cơ sở, giúp cho các đối tượng tiếp cận được một cách dễ dàng, thuận tiện và nhanh chóng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Thực hiện công văn số 357/TCDS-QMDS ngày 29/6/2017 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình về việc hoàn thiện kế hoạch tổng thể thực hiện mô hình tăng cường năng lực y tế công, giai đoạn 2017-2020. UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành kế hoạch "Tăng cường năng lực y tế công trong lĩnh vực kế hoạch hóa gia đình" tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017-2020, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG CUNG ỨNG PHƯƠNG TIỆN TRÁNH THAI TẠI THANH HOÁ VÀ SỰ CẦN THIẾT TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH

1. Thực trạng cung ứng phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD:

Trong thời gian qua, công tác cung ứng các phương tiện tránh thai chủ yếu là từ kênh miễn phí do Tổng cục Dân số-KHHGD cấp cho địa phương cấp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu kế hoạch hóa gia đình. Tuy nhiên, do hiện nay Việt Nam đã là một nước có thu nhập trung bình nên nguồn cung cấp phương tiện tránh thai miễn phí so với trước đây bị hạn chế. Để khắc phục tình trạng này, Bộ Y tế và Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình đã triển khai và hướng dẫn cho các địa phương nguồn cung ứng phương tiện tránh thai trên 3 kênh chính là: cung cấp miễn phí cho những đối tượng là người nghèo, người cận nghèo; đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa và những vùng có mức sinh cao chưa ổn định; đồng thời triển khai tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai rộng rãi trên phạm vi toàn quốc kết hợp với kênh thị trường tự do.

Nhìn chung, khả năng cung ứng phương tiện tránh thai trên thị trường hiện nay có thể đáp ứng được nhu cầu của các đối tượng sử dụng. Tuy nhiên, hiện nay quá trình cung cấp phương tiện tránh thai còn một số bất cập như: đối với các phương tiện tránh thai lâm sàng như vòng tránh thai, thuốc cấy tránh thai, chủ yếu

vấn do nhà nước chịu trách nhiệm nhập khẩu và cung ứng. Các phương tiện tránh thai phi lâm sàng như bao cao su nằm trong hàng hóa nhóm 1, chưa có sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước, nên chất lượng một số loại bao cao su lưu thông trên thị trường tự do chưa đảm bảo.

Để khắc phục tâm lý trông chờ bao cấp trong việc cung cấp phương tiện tránh thai, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 20/4/2016 về việc phê duyệt đề án "Xã hội hóa phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGD/ sức khỏe sinh sản tại khu vực thành thị và nông thôn phát triển tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020" và mở rộng kênh tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai (bán phương tiện tránh thai với giá thấp) cho các đối tượng có nhu cầu. Đây là một giải pháp nhằm thích ứng với việc nguồn ngân sách của nhà nước cho việc mua phương tiện tránh thai ngày càng giảm; đồng thời phù hợp với khả năng chi trả một phần kinh phí của khách hàng - hình thức trợ giá, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng phương tiện tránh thai của các đối tượng.

Hiện tại, tỉnh Thanh Hóa có 24 Trung tâm y tế huyện và 581 trạm y tế tham gia thực hiện chương trình PSS; nhưng chỉ có 38 cán bộ y tế đạt chuẩn cấp độ 1 và có 71 trạm y tế được chuyển giao cung cấp dịch vụ đặt dụng cụ tử cung tại trạm y tế xã.

2. Sự cần thiết

2.1. Số phụ nữ bước vào độ tuổi sinh sản hằng năm gia tăng, nhu cầu về sử dụng các biện pháp tránh thai tăng; sự giảm thiểu kinh phí từ ngân sách (mỗi năm bình quân có khoảng 14.000 phụ nữ bước vào độ tuổi sinh đẻ và có khoảng 483.587 cặp vợ chồng sử dụng các biện pháp tránh thai).

2.2. Đội ngũ cung cấp dịch vụ tại cơ sở còn thiếu, trình độ chuyên môn kỹ thuật yếu, không được bồi dưỡng thường xuyên, để cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật. Các biện pháp tránh thai chưa đa dạng.

2.3. Tỷ lệ các trạm y tế được chuyển giao dịch vụ kỹ thuật thấp, chỉ chiếm 11% trên tổng số trạm y tế xã của Thanh Hóa.

2.4. Nhiều địa bàn đi lại khó khăn, dân trí thấp.

2.5. Tỷ lệ mắc các bệnh phụ khoa, viêm nhiễm cao.

2.6. Tâm lý người dân phần lớn còn muốn nhận biện pháp tránh thai miễn phí.

2.7. Khó khăn kinh phí địa phương hỗ trợ cho các hoạt động của chương trình Dân số-KHHGD, kể cả kinh phí cho các hoạt động cung cấp dịch vụ KHHGD.

2.8. Cơ sở vật chất, trang thiết bị ở nhiều đơn vị y tế cơ sở công lập còn thiếu, các dịch vụ cận lâm sàng như siêu âm, xét nghiệm chưa được trang bị đồng bộ, chất lượng dịch vụ bị hạn chế.

II. MỤC TIÊU:

2.1. Mục tiêu tổng quát:

- Thúc đẩy cung ứng và tăng cường tiếp cận của cộng đồng đối với các dịch vụ KHHGD có chất lượng, phù hợp với nhu cầu, khả năng chi trả của người dân.

- Cải thiện sức khỏe phụ nữ vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, vùng biển, ven biển thông qua mô hình tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại y tế công tuyến cơ sở.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Nâng cao năng lực, chất lượng cung cấp dịch vụ KHHGĐ tại tuyến y tế cơ sở, triển khai hiệu quả các dịch vụ KHHGĐ sẵn có tại tuyến y tế cơ sở.

- 100% trạm y tế được nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ, để cho người sử dụng dịch vụ KHHGĐ được cung ứng bởi người cung cấp dịch vụ đạt tiêu chuẩn và tuân thủ đúng quy trình của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh thu phí dịch vụ KHHGĐ tại y tế cơ sở.

- Gia tăng và đa dạng hóa các phương tiện tránh thai.

- Phấn đấu 100% xã thực hiện xã hội hóa dịch vụ KHHGĐ, hướng tới cùng chi trả của cộng đồng cho nhu cầu phương tiện tránh thai của người dân.

- Địa phương có vốn đối ứng trong việc thực hiện xã hội hóa phương tiện tránh thai.

Các chỉ tiêu đến năm 2020:

- 100% địa bàn xã trên toàn tỉnh triển khai mô hình.

- 100% trạm y tế xã trên địa bàn tỉnh triển khai mô hình có người cung cấp dịch vụ đạt cấp độ 1; tuân thủ đúng quy trình của Bộ Y tế.

- 100% cơ sở cung cấp dịch vụ tại địa bàn triển khai mô hình đảm bảo đủ điều kiện thiết yếu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ KHHGĐ, phương tiện tránh thai, thuốc thiết yếu và vật tư tiêu hao sẵn có cung cấp dịch vụ.

- 100% trạm y tế xã trên địa bàn triển khai mô hình đạt chuẩn cơ sở mẫu về dịch vụ KHHGĐ.

- 100% số ca dịch vụ dụng cụ tử cung trong mô hình được thực hiện bởi người cung cấp dịch vụ cấp độ 1.

- 100% ca dịch vụ dụng cụ tử cung trong mô hình thực hiện thu phí dịch vụ với đối tượng có khả năng chi trả và không thuộc nhóm ưu tiên của Nhà nước. Miễn phí dịch vụ với nhóm đối tượng ưu tiên theo quy định của Nhà nước.

- 100% trạm y tế được nâng cao chất lượng dịch vụ KHHGĐ.

III. GIẢI PHÁP:

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cho các đối tượng có nhu cầu về KHHGĐ; cung cấp các phương tiện tránh thai đa dạng, thuận tiện, có chất lượng, dễ tiếp cận. Tiếp thị xã hội các phương tiện tránh thai lồng ghép vào công tác DS-KHHGĐ, đưa các phương tiện tránh thai đến gần hơn với người dân.

- Đầu tư phát triển y tế cơ sở: về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao năng lực chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ y tế cơ sở.

Vì vậy, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ) trong thời gian tới là:

- Đẩy mạnh tiếp thị xã hội (TTXH) các phương tiện tránh thai, nhằm bảo đảm tính bền vững của các chương trình DS-KHHGĐ.

- Rà soát danh sách cán bộ y tế đã được tổ chức MSI tập huấn bồi dưỡng cập nhật kiến thức phòng chống nhiễm khuẩn và đặt dụng cụ tử cung nhưng chưa được công nhận đạt cấp độ 1 và những đơn vị chưa được đào tạo.

- Xây dựng kế hoạch và lập danh sách cử cán bộ để dự tập huấn giảng viên nòng cốt để xây dựng nguồn lực cho địa phương.

- Lập kế hoạch tập huấn bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao chất lượng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chất lượng cao của người dân.

- Rà soát báo cáo nhu cầu trang thiết bị, dụng cụ y tế tuyến cơ sở phục vụ chăm sóc SKSS/KHHGD và lập kế hoạch đề nghị thay thế

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao năng lực quản lý, điều hành mô hình.

- Cung cấp dịch vụ KHHGD có chất lượng đáp ứng nhu cầu của người dân.

IV. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU:

a) Hoạt động 1:

Tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức phòng chống nhiễm khuẩn và đặt dụng cụ tử cung chưa đạt cấp độ 1.

- *Nhiệm vụ:* Tập huấn về kiến thức và kỹ năng quản lý mô hình; truyền thông giáo dục, tư vấn và cung cấp dịch vụ.

- *Mục đích:* Tập huấn, cập nhật nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng cung tư vấn, cung cấp dịch vụ KHHGD có chất lượng, phù hợp với khả năng và yêu cầu của người dân.

- *Đối tượng:* Các cán bộ quản lý, cán bộ y tế huyện và xã

- *Phương thức thực hiện:* Chi cục Dân số phối hợp với Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng mở lớp tập huấn đào tạo về kỹ năng cung cấp dịch vụ KHHGD.

- *Thời gian thực hiện:* Năm 2017, 2018, 2019, 2020.

- *Kinh phí thực hiện:* Kinh phí TW, chương trình MSI tại Việt Nam và nguồn hợp pháp khác.

b) Hoạt động 2:

Củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ KHHGD tuyến y tế cơ sở phục vụ cung cấp dịch vụ.

- *Nhiệm vụ:* Rà soát thực trạng tình hình trang thiết bị, dụng cụ KHHGD tại y tế tuyến cơ sở.

- *Mục đích:* Lập kế hoạch mua sắm, bổ sung, thay thế.

- *Đối tượng:* Các điểm cung cấp dịch vụ KHHGD trực thuộc các cơ sở y tế công lập đạt chuẩn.

- *Phương thức thực hiện:* Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng phối hợp với chương trình MSI tại Việt Nam trong các hoạt động củng cố cơ sở và trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các điểm cung cấp dịch vụ KHHGD của địa phương.

- *Kinh phí thực hiện:* Nguồn kinh phí từ chương trình MSI tại Việt Nam.

c) Hoạt động 3:

Tổ chức hoạt động tuyên truyền, truyền thông, tư vấn vận động đối tượng nhận dịch vụ thường xuyên tại y tế cơ sở

- *Nhiệm vụ:* Tổ chức tuyên truyền, tư vấn vận động cho các đối tượng.

- *Mục đích:* Hướng các đối tượng nhận dịch vụ thường xuyên tại cơ sở y tế.

- *Đối tượng:* Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại.

- *Phương thức thực hiện:* Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh phối hợp cùng Trung tâm Dân số-KHHGD, Trung tâm y tế các huyện, thị và Trạm y tế xã, phường tổ chức các buổi truyền thông, vận động khách hàng.

- *Kinh phí thực hiện:* Nguồn Trung ương và chương trình MSI tại Việt Nam.

d) Hoạt động 4: Tổ chức cung cấp dịch vụ:

- *Nhiệm vụ:* Tổ chức cung cấp dịch vụ.

- *Mục đích:* Tránh những rủi ro mang thai ngoài ý muốn.

- *Đối tượng:* Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại.

- *Phương thức thực hiện:* Cán bộ cung cấp dịch vụ tại các Trung tâm y tế phối hợp cùng cán bộ trạm y tế xã thực hiện cung cấp dịch vụ.

- *Kinh phí thực hiện:* Nguồn kinh phí từ chương trình MSI tại Việt Nam và nguồn hợp pháp khác.

e) Hoạt động 5: Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình triển khai và kết quả thực hiện mô hình theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số - KHHGD và chương trình MSI tại Việt Nam.

f) Hoạt động 6: Xây dựng chính sách, lộ trình thu phí dịch vụ.

Xây dựng và trình phê duyệt mức thu phí, lộ trình thu phí theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số - KHHGD và chương trình MSI tại Việt Nam.

V. QUY MÔ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH:

Năm	Huyện				Xã			
	Duy trì	Mở rộng	Cộng	Tỷ lệ so với toàn tỉnh	Duy trì	Mở rộng	Cộng	Tỷ lệ so với toàn tỉnh
2018	24		24	89%	581		581	91%
2019	24	3	27	100%	581	54	635	100%
2020	27		27	100%	635		635	100%

VI. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN MÔ HÌNH:

Năm	Số cơ sở CCDV tham gia PSS	Số cán bộ đạt cấp độ 1	Chỉ tiêu ca DCTC	Tỉ lệ miễn phí dịch vụ DCTC	Tỉ lệ thu phí DCTC
2017	605	81	39.200	71,5%	28,5%
2018	605	125	39.200	71,5%	28,5%
2019	689	245	39.200	71,5%	28,5%
2020	689	200	39.200	71,5%	28,5%

VII. KINH PHÍ ĐẦU TƯ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH:

- Tổng kinh phí đầu tư giai đoạn 2017-2020: **8.757.090.000** đồng.

- Nguồn kinh phí: Trung ương, tổ chức MSI và cá nhân.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh Thanh Hóa chủ trì tổ chức thực hiện:

- Tham mưu và xây dựng kế hoạch trình Sở Y tế phê duyệt để triển khai thực hiện nội dung kế hoạch thực hiện mô hình PSS giai đoạn 2017 - 2020.
- Chỉ đạo và hướng dẫn các huyện tham gia thực hiện chương trình MSI tiếp tục tham gia chương trình PSS.
- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong tỉnh tham gia triển khai thực hiện tốt có hiệu quả nội dung kế hoạch này.

IX. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ-XÃ HỘI

8.1. Đối tượng thụ hưởng của mô hình: Phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 49 có nhu cầu sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại.

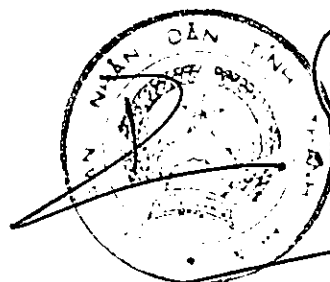
8.2. Hiệu quả kinh tế - xã hội của mô hình

- Thực hiện “Chiến lược Dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020” theo Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ;
- Tăng cường tiếp cận bền vững các dịch vụ KHHGD/CSSKSS chất lượng tại địa phương giai đoạn 2015-2020.
- Kiểm soát tỷ suất sinh và tốc độ tăng dân số phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương.
- Giảm tỉ lệ sinh con ngoài ý muốn, giảm tỉ lệ nạo, phá thai; nâng cao chất lượng dân số.

Nơi nhận:

- Tổng cục DS-KHHGD;
- Tổ chức MSI Việt Nam (để ph/h);
- Sở Y tế; Tài chính; KHĐT (để ph/h);
- Chi cục DS-KHHGD (để th/hiện);
- Trung tâm DS-KHHGD huyện, thị xã, TP(để th/hiện);
- TTYT huyện, thị xã, TP(để th/hiện);
- Lưu: VT, VXSln.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC:

Kế hoạch hoạt động và kinh phí
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 176 /KH-UBND ngày 09/10/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

TT	Hoạt động	Thời gian thực hiện		Đơn vị chịu trách nhiệm	Kinh phí (1.000 đồng)
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc		
	Tổng cộng				8.757.090
1	Tập huấn, đào tạo	2017	2020	- Tổ chức MSI - Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh	1.041.600
2	Bổ sung thay thế TTTB	2017	2020	- Tổ chức MSI - Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh	1.515.490
3	Tuyên truyền	2017	2020	- Tổ chức MSI - Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh	400.000
4	Cung cấp DV-KHHGĐ	2017	2020	- Tổng cục DS-KHHGĐ - Chi cục DS-KHHGĐ - Tổ chức MSI	5.600.000
5	Kiểm tra, giám sát	2017	2020	- Tổng cục DS-KHHGĐ - Chi cục DS-KHHGĐ - Tổ chức MSI	200.000

PHỤ LỤC:

Dự toán kinh phí chi tiết theo từng năm triển khai
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: 176 /KH-UBND ngày 09/10/2017
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

*** Năm 2017**

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	Cộng				3.195.090.000
1	Tập huấn	người	81	1.600.000	129.600.000
2	Bổ sung thay thế TTTB	bộ	1.052		1.515.490.000
	- Bộ đặt tháo DCTC	bộ	983	1.450.000	1.425.350.000
	- Nồi hấp	cái	3	3.830.000	11.490.000
	- Bộ nạo phá thai	bộ	5	1.550.000	7.750.000
	- Bộ khám phụ khoa	bộ	50	725.000	36.250.000
	- Tủ sấy điện	cái	11	3.150.000	34.650.000
3	Tuyên truyền	cuộc	10	10.000.000	100.000.000
4	Cung cấp DV-KHHGD	ca	28.000	50.000	1.400.000.000
5	Kiểm tra, giám sát	lần	10	5.000.000	50.000.000

*** Năm 2018**

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	Cộng				1.750.000.000
1	Tập huấn	người	125	1.600.000	200.000.000
2	Tuyên truyền	cuộc	10	10.000.000	100.000.000
3	Cung cấp DV-KHHGD	ca	28.000	50.000	1.400.000.000
4	Kiểm tra, giám sát	lần	10	5.000.000	50.000.000

*** Năm 2019**

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	Cộng				1.942.000.000
1	Tập huấn	người	245	1.600.000	392.000.000
2	Tuyên truyền	cuộc	10	10.000.000	100.000.000
3	Cung cấp DV-KHHGD	ca	28.000	50.000	1.400.000.000
4	Kiểm tra, giám sát	lần	10	5.000.000	50.000.000

*** Năm 2020**

TT	Nội dung hoạt động	ĐVT	Số lượng	Định mức	Thành tiền
	Cộng				1.870.000.000
1	Tập huấn	người	200	1.600.000	320.000.000
2	Tuyên truyền	cuộc	10	10.000.000	100.000.000
3	Cung cấp DV-KHHGD	ca	28.000	50.000	1.400.000.000
4	Kiểm tra, giám sát	lần	10	5.000.000	50.000.000